

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN
CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án về hôn nhân và gia đình thụ lý số: 196/2022/TLST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2022 về việc “tranh chấp ly hôn”, giữa:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Lệ D**, sinh năm 1973. Hộ khẩu thường trú tại: số 133 HTQ, phường PT, quận HK, thành phố Hà Nội. Hiện ở tại: Phòng 2604 Tòa nhà TL, 33 MTT, phường YH, quận CG, thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: Ông **Nguyễn T**, sinh năm 1952. Hộ khẩu thường trú tại: số 133 HTQ, phường PT, quận HK, thành phố Hà Nội. Hiện ở tại: dãy B ngõ 222A ĐC, phường LG, quận BĐ, thành phố Hà Nội.

Căn cứ vào khoản 4 điều 147; điều 212; điều 213 và điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, 54; 55; 57; 59; 81; 82; 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

XÉT THẤY:

Bà Trần Thị Lệ D và ông Nguyễn T kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 30 tháng 12 năm 2002 tại Ủy ban nhân dân phường PT, quận HK, thành phố Hà Nội (Chứng nhận kết hôn số 126, quyển số 01), đây là hôn nhân hợp pháp.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 01 tháng 4 năm 2022 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I - Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Bà **Trần Thị Lệ D** và ông **Nguyễn T.**

II - Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. **Về con chung:** Ông bà có 02 người con chung là:

+ Anh Nguyễn Việt D1, sinh ngày 22/02/2003

+ Cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 04/02/2012

Anh Nguyễn Việt D1 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

Ghi nhận sự thỏa thuận của ông bà để bà D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Thu H; ông T cấp dưỡng nuôi con chung 6.000.000 đồng/tháng (Sáu triệu đồng) kể từ tháng 4 năm 2022 cho đến khi con chung trưởng thành (tròn 18 tuổi) hoặc có sự thay đổi khác.

Ông T có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

2. **Về tài sản chung, nhà đất ở chung:** Bà D và ông T xác nhận thống nhất tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

cầu giải quyết nên Tòa án không xem xét.

4. **Về án phí ly hôn sơ thẩm:** Bà Trần Thị Lệ D tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng; bà D tự nguyện sung quỹ nhà nước số tiền 150.000 đồng còn lại theo biên lai thu số 0068078 ngày 31/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận BD, thành phố Hà Nội.

III - Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Ủy ban nhân dân phường PT, quận HK, thành phố Hà Nội;
- VKSND Quận Ba Đình ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Hoài Phương